

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 03 - 2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đào Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Ngọc Châu và ông Dương Đông Phong.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: bà Hoàng Thị Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 03 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 205/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Lê Thị T, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1977. Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị T trình bày: chị và anh Nguyễn Văn C tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 21/06/2002, tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 12/2008 thì anh C bỏ đi khỏi địa phương mà không có lý do. Chị đã cùng gia đình tìm kiếm nhưng không biết anh C đang sinh sống, làm việc ở đâu. Chị đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hà Trung tuyên bố anh C mất tích. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: chị T khai, chị và anh Nguyễn Văn C có một con chung. Cháu tên là Nguyễn Văn K, sinh ngày 16/03/2003. Chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ, triệu tập anh Nguyễn Văn C đến Tòa án để viết bản khai nhưng anh C không có mặt, nên không có lời khai của anh C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung phát biểu quan điểm: quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết và quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị T và giao cháu Nguyễn Văn K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu anh C phải cấp cấp dưỡng nuôi con chung của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và khoản 1 Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với anh Nguyễn Văn C để tham gia phiên hoà giải nhưng anh C không có mặt nên Tòa án không tiến hành hoà giải được vụ án. Anh C cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt mà không có lý do, chị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T và anh C là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Chị T cũng xuất trình cho Tòa án một bản sao trích lục kết hôn do Ủy ban nhân dân xã H cấp, trong đó xác định ngày đăng ký kết hôn là ngày 21/06/2002 và anh Nguyễn Văn C là chồng chị. Như vậy, đủ cơ sở khẳng định hôn nhân giữa chị T và anh C là hợp pháp.

Theo chị T, quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2008 thì anh C bỏ nhà đi cho đến nay mà không rõ lý do, không ai có tin tức gì về anh C. Chị T đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hà Trung tuyên bố anh C mất tích. Tại quyết định số 04/2020/QĐDS-ST ngày 06/07/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đã chấp nhận yêu cầu của chị T, tuyên bố anh Nguyễn Văn C mất tích. Nay chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh C, vì vậy căn cứ

khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị T được ly hôn anh C là phù hợp.

[3]. Về con chung: chị T khai, chị và anh Nguyễn Văn C có một con chung, cháu tên là Nguyễn Văn K, sinh ngày 16/03/2003. Chị T đã xuất trình cho Tòa án một bản sao giấy khai sinh của cháu K, thể hiện cháu K là con chung của chị T và anh C. Mặt khác, cháu K sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nên đủ cơ sở khẳng định cháu K là con chung của chị T và anh C. Từ khi anh C bỏ đi khỏi nơi cư trú, cháu K ở với chị T. Vì vậy, giao cháu K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5]. Về án phí: chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và khoản 1 Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 6 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: công nhận cháu Nguyễn Văn K, sinh ngày 16/03/2003 là con chung của chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn C. Giao cháu K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh C không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị T.

3. Về án phí: chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0009259 ngày 27/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Chi cục THADS huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Văn Nam